	đường về nhà mình.
- Cho HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp.
- Em thấy trong bài viết từ nào dễ viết sai chính tả?	- HS nêu: *mỏi, lạc, bỗng, , gặp, dẫn,...*
- Gọi 1HS lên bảng viết từ khó. Cả lớp viết vào vở nháp	- 1HS lên bảng viết từ khó. Cả lớp viết vào vở nháp
3. Thực hành kĩ năng:	
- Y/c HS đọc bài 1 lần.	- HS đọc bài 1 lần.
- GV đọc cho HS viết bài vào vở.	- HS viết bài vào vở.
- GV đọc lại cho HS soát lỗi chính tả.	- HS soát lỗi chính tả.
- GV thu 5-7 bài chấm và NX, đánh giá.	
*** Hướng dẫn làm bài tập chính tả**	
Bài 2a: Điền vào chỗ trống l hay n	
- GV treo bảng phụ	
- Gọi hs đọc y/c	- 1 hs đọc y/c
- Y/c hs tự làm	- HS tự làm bài
- Dán bảng chuẩn bị sẵn, gọi lần lượt hs lên điền	- HS khác nhận xét, bổ sung
- Chốt lại lời giải đúng: trâu, trê, chích, chim, …	- HS theo dõi, chữa bài
- Gọi 1 hs đọc đoạn văn hoàn chỉnh	- HS đọc.
- Đoạn văn muốn nói với chúng ta điều gì?	*- Ca ngợi cây tre thẳng thắng, bất khuất là bạn của con người*
4. Ứng dụng - Dặn dò:	
- GVNX tiết học. Dặn HS về nhà viết lại những chữ viết sai lỗi chính tả.	

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

I. Mục tiêu:

- Hiểu được sự khác nhau giữa tiếng và từ , phân biệt được từ đơn và từ phức (Nội dung ghi nhớ).
- Nhận biết từ đơn, từ phức trong đoạn thơ (BT1, mục III); bước đầu làm quen với từ điển (hoặc sở tay từ ngữ), điển để tìm hiểu về tư (BT2, BT3).

II. Chuẩn bị: phiếu học tập

III. Các hoạt động dạy - học.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1.Khởi động: -Cho HS chơi TC: Ai nhanh, Ai đúng.	- HS chơi TC: Ai nhanh, Ai đúng.
- Thi viết đoạn văn có sử dụng dấu hai chấm	
- GVNX và GT bài.	
2. Hình thành kiến thức mới:	
Nhờ / bạn / giúp đỡ / lại / có / chí / học hành /nhiều / năm / liền / Hanh / là / học sinh / tiến tiến	
- Y/c hs đọc câu văn trên bảng	- 2 HS đọc

- Mỗi từ được phân cách bằng 1 dấu gạch. - Cho HS thảo luận theo nhóm bán và thảo luận các câu hỏi sau và yêu cầu HS chia sẻ trước lớp. - Câu văn có bao nhiêu từ? - Em có nhận xét gì về các từ trong câu văn trên? + Từ gồm có mấy tiếng? + Tiếng dùng để làm gì? + Từ dùng để làm gì? - GV hỏi 1 số câu hỏi để HS rút ra ghi nhớ + Thế nào là từ đơn? Thế nào là từ phức? - Gọi HS đọc ghi nhớ -Yêu cầu HS tiếp nối nhau tìm từ đơn và từ phức. - Nhận xét, khen những HS tìm được nhiều từ.	-HS thảo luận theo nhóm bán và thảo luận các câu hỏi sau và yêu cầu HS chia sẻ trước lớp. - 14 từ - Có những từ gồm 1 tiếng, có những từ gồm 2 tiếng. + Từ gồm một tiếng hoặc nhiều tiếng. + Tiếng dùng để cấu tạo nên từ. Một tiếng tạo nên từ đơn, hai tiếng trở lên tạo nên từ phức. + Từ dùng để đặt câu. *+ Từ đơn là từ gồm có 1 tiếng, từ phức là từ gồm có hai hay nhiều tiếng.* - HS đọc phần *Ghi nhớ*. + Từ đơn: nhờ, bạn, lại, có, chí, nhiều, năm, liền, Hanh, là + Từ phức: giúp đỡ, học hành, học sinh, tiên tiến.
3. Thực hành kĩ năng: **Bài 1:** - Gọi HS đọc đề bài. - Cho HS trao đổi theo cặp để làm bài vào vở. - Gọi HS chia sẻ trước lớp. - Những từ nào là từ đơn? - Những từ nào là từ phức? - GVNX và chốt bài làm đúng. **Bài 2**: - Gọi HS đọc y/c - Đưa quyển Từ điển TV và nói: Từ điển TV là sách tập hợp các từ TV và giải thích nghĩa của từng từ. Từ đó có thể là từ đơn hoặc từ phức. - Y/c HS làm việc trong nhóm đôi để tìm từ đơn, từ phức và ghi vào PHT - Y/c đại diện nhóm lên dán kết quả. - GVNX và chốt bài làm đúng.	- 1 hs đọc y/c - HS trao đổi theo cặp để làm bài vào vở.. - HS chia sẻ trước lớp. Rất /công bằng/ rất/thông minh Vừa/độlượng/lại/đatình/đa mang./ + rất, vừa, lại + công bằng, thông minh, độ lượng, đa tình, đa mang. - HS đọc y/c - HS làm việc trong nhóm đôi để tìm từ đơn, từ phức . - Đại diện nhóm lên dán và đọc kết quả + Từ đơn: vui, buồn, ngủ, xem, gió… + Từ phức: ác độc, nhân hậu, đoàn kết,… ***HS chơi TC " Thi tìm từ và đặt***

Bài 3: Cho HS chơi TC " Thi tìm từ và đặt câu" - Hai đội chơi, GV và HS cả lớp làm trọng tài - Cách chơi: Đội 1 nêu lên 1 từ, đội 2 phải xác định là từ đơn hay từ phức và đặt câu. Nếu đội 2 làm đúng được 1 điểm và đổi bên VD: đội 1 nêu từ đoàn kết; đội 2: từ phức, đặt câu: Đoàn kết là truy của truyền thống quí báu của dân tộc ta. - GVNX và tuyên dương đội thắng cuộc **4. Ứng dụng- Dặn dò:** - Dặn HSVN học bài và chuẩn bị bài sau	***câu"*** VD + Hôm qua em ăn rất **no**. + Bọn nhện thật **độc ác**. + Nhân dân ta có truyền thống **đoàn kết**. + Em bé đang **ngủ**. + Em nghe dự báo **thời tiết**. + Bà em rất **nhân hậu**.

KHOA HỌC
VAI TRÒ CỦA CHẤT ĐẠM, CHẤT BÉO

I. Mục tiêu:

- Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (thịt, cá, trứng,tôm, cua,…..), chất béo (mỡ, dầu, bơ,….).
- Nêu được vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể:

+ Chất đạm giúp xây dựng và đổi mới cơ thể.

+ Chất béo giúp năng lượng và giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min A,D,E,K.

II. Chuẩn bị:Hình trang 12,13

III. Các hoạt động dạy - học.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: Cho HS chơi TC : " Truyền điện" - Em hãy kể tên những thức ăn hằng ngày có chứa chất đạm, chất béo. - GVNX và dẫn dắt GT bài **2. Hình thành kiến thức mới:** ****Tìm hiểu vai trò của chất đạm và chất béo.*** - Cho HSQST hình trong SGK trang 12,13 và thảo luận theo nhóm bàn. Hai em ngồi cùng bàn hãy nói cho nhau nghe tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (chất béo) có trong hình trang 12,13 SGK - Y/C HS chia sẻ trước lớp. - Khi ăn cơm với thịt, cá, rau xào em cảm thấy thế nào? **Kết luận**: mục bạn cần biết/12,13SGK - Gọi HS đọc mục bạn cần biết.	- HS chơi TC : " Truyền điện" - HS chia sẻ trước lớp. + Những thức ăn chứa nhiều chất đạm: trứng, cua, thịt heo, đậu, cá, ốc, tôm, vịt. + Những thức ăn chứa nhiều chất béo: dầu ăn, mỡ, đậu, lạc, dừa, vừng. - Rất ngon miệng. - 3 HS đọc

3. **Thực hành kĩ năng:** **Cho HS chơi *trò chơi "Đi tìm nguồn gốc của các loại thức ăn"*** - Hỏi: Thịt gà có nguồn gốc từ đâu? - Đậu đũa có nguồn gốc từ đâu? - Để biết mỗi loại thức ăn thuộc nhóm nào và có nguồn gốc từ đâu cả lớp mình sẽ thi xem nhóm nào biết chính xác điều đó nhé. - Các em hãy làm việc nhóm 4 lựa chọn và viết đúng tên thức ăn vào cột thích hợp. - Gọi đại diện nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Tổng kết cuộc thi, tuyên dương nhóm thắng cuộc. - Pho-mát là một loại thức ăn được chế biến từ sữa bò, chứa nhiều chất đạm. Bơ cũng là một thức ăn được chế biến từ sữa bò nhưng lại chứa nhiều chất béo. - Thức ăn có chứa chất đạm và chất béo có nguồn gốc từ đâu? **Kết luận:** Thức ăn chứa nhiều chất béo và chất đạm đều có nguồn gốc từ động vật và thực vật. **4. Ứng dụng - Dặn dò:** - GVNX tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	 - Từ động vật - Từ thực vật - HS lắng nghe và tiến hành hoạt động trong nhóm - Đại diện nhóm lên trình bày: + Thức ăn chứa nhiều chất đạm có nguồn gốc từ thực vật: đậu cô-ve, đậu phụ, đậu đũa + Thức ăn chứa nhiều chất béo có nguồn gốc thực vật: dầu ăn, lạc, vừng. + Thức ăn chứa nhiều chất đạm có nguồn gốc từ động vật: thịt bò, tương, thịt lợn, pho mát, thịt gà, tôm. + Thức ăn nhiều chất béo có nguồn gốc động vật: bơ, mỡ

MĨ THUẬT

Đồng chí Thơ soạn giảng.

Toán
DÃY SỐ TỰ NHIÊN (tr 19)

I. Mục tiêu:

- Bước đầu nhận biết về số tự nhiên, dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.
- BT cần làm bài 1,2,3,4a. HSKG làm nhanh bài 4(b,c)

II. Chuẩn bị: - Vẽ sẵn tia số lên bảng phụ

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: Cho HS hát 1 bài	- HS hát 1 bài
2. Hình thành kiến thức mới:	
- Em hãy kể những số đã học.	- 2,3 hs kể: 5, 8 , 13, 45, 567,...
- Ghi bảng các số HS kể là số tự nhiên, không phải thì ghi riêng ra một góc.	
- Gọi HS đọc các số vừa kể	- 3 hs lần lượt đọc
- Giới thiệu: Các số 5,8,13,45,567,... được gọi là các số tự nhiên	- lắng nghe
- Hãy kể thêm một vài STN khác	
- Chỉ các số đã viết riêng và nói: Đây không phải là STN	- 4,5 HS kể trước lớp
- Yêu cầu HS viết các số tự nhiên theo thứ tự từ bé đến lớn, bắt đầu từ số 0?	-HS viết các số tự nhiên theo thứ tự từ bé đến lớn, bắt đầu từ số 0
- Gọi HS chia sẻ trước lớp	0,1,2,3,4,5,6,7,8,9,....98,99,100,...
- Giới thiệu: Các STN sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, bắt đầu từ số 0 được gọi là dãy STN.	- HS lắng nghe
- GV viết bảng một số dãy số và gọi hs nhận biết đâu là dãy STN.	- HSTL:
+ 1,2,3,4,5,6,7,8,9,....	+ Không phải là dãy STN vì thiếu số 0
+ 0,1,2,3,4,5,6.	+ Không phải là dãy STN vì sau số 6 có dấu (.). Dãy số này thiếu các STN lớn hơn 6
+ 0,5,10,15,20,25,30,...	+ Không phải là dãy STN vì thiếu các số ở giữa 5 và 10, giữa 10 và 15,...
+ 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9,...	+ Là dãy STN
- Cho HS quan sát tia số trên bảng phụ, giới thiệu: Đây là tia số biểu diễn STN	
- Điểm gốc của tia số ứng với số nào?	- Số 0
- Mỗi điểm trên tia số ứng với gì?	- Ứng với 1 STN
- Các STN được biểu diễn trên tia số theo thứ tự nào?	- Theo thứ tự từ bé đến lớn
- Cuối tia số có dấu gì?	- Cuối tia số có dấu mũi tên thể hiện tia số còn tiếp tục biểu diễn các số lớn hơn.
**** Giới thiệu một số đặc điểm của dãy STN***	
- Y/c HS nhìn tia số, hỏi:	
+ Khi thêm 1 vào số 0 ta được số nào?	+ Thêm 1 vào số 0 ta được số 1
+ Số 1 đứng ở đâu so với số 0?	+ Số 1 là số đứng liền sau số 0
....Giới thiệu: Khi thêm 1 vào bất kì số	

nào trong dãy STN ta cũng được số liền sau của số đó. Như vậy dãy STN có thể kéo dài mãi. Như vậy không có STN lớn nhất.	
- Gọi HS nêu ví dụ	- HS nêu ví dụ: thêm 1 vào 100 được 101, thêm 1 vào 101 được 102,...
- Bớt 1 ở 2 được mấy? số này đứng ở đâu so với 2?	- Bớt 1 ở 2 được 1, số này đứng liền trước 2
- Bớt 1 ở 1 được mấy?	- Bớt 1 ở 1 được 0
- Bớt 0 ở 0 được số nào?	- Không bớt được
KL: Vậy số 0 là STN nhỏ nhất, không có STN nào nhỏ hơn 0.	
- 7+1 = mấy? , 8 - 1 = mấy?	- 7 + 1 = 8, 8 - 1 = 7.
- Vậy 2 STN liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau bao nhiêu đơn vị?	- *Hai STN liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.*
3.Thực hành kĩ năng:	
<u>Bài 1</u>: - Gọi HS đọc bài tập 1	- HS đọc y/c BT
- Cho HS tự làm vào vở.	- HS tự làm vào vở.
- Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp 6, 7 29, 30 99, 100 100, 101 1000, 1001
- Muốn tìm số liền sau của một số ta làm thế nào?	- Ta lấy số đó cộng với 1 1 HS nêu
- GVNX	
<u>Bài 2</u>: - Gọi HS đọc YCBT.	- HS đọc y/c BT
- BT yêu cầu gì?	- HSTL
- Cho học sinh thảo luận nhóm đôi.	- HS thảo luận
- Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp.
- Muốn tìm số liền trước của một số ta làm thế nào?	- Ta lấy số đó trừ đi 1
<u>Bài 3</u>:	
- Gọi học sinh đọc yêu cầu của bài.	- HS đọc y/c BT
- BT yêu cầu gì?	- HSTL
- Cho HS làm vào vở.	- HS làm vào vở.
- Gọi HS chia sẻ cách làm.	- HS chia sẻ cách làm a. 4, 5, 6 b. 86, 87, 88 c. 896, 897, 898 d, 9, 10, 11 e. 99, 100, 101 g. 9998, 9999, 10000
- Hai STN liên tiếp hơn kém bao nhiêu đơn vị?	- Hai STN liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.
- GVNX và chốt kết quả đúng.	
<u>Bài 4</u>:	
- Gọi HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- HS tự làm câu a vào vở và HSKG làm nhanh câu b,c	- HS tự làm bài
- Gọi HS chia sẻ cách làm của câu a	- HS chia sẻ cách làm của câu a a. 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916